



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2407-055 (24.600)

- Tên mẫu/ Name of sample
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

: Mẫu lấy tại căn căn PD5KT29 Vinhomes Ocean Park 2
: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
: Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
: 03/07/2024
: Nguyễn Hữu Cường
: 04/07/2024 – 18/07/2024
:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2407-055	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2017	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	0,4	2
6	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5
9	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ký bởi: Vũ Thị Cúc
Ngày ký: 16/07/2024 18:27:11
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Ký bởi: Đặng Thế Hưng
Ngày ký: 17/07/2024 20:13:24
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu giữa nguồn lấy tại hộ dân Đào Văn Quân. Địa chỉ: đội 9, Vĩnh
2. Tên khách hàng/ Name of customer Khúc, Văn Giang
3. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
: Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng
Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
4. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
5. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2024
6. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
7. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/07/2024 – 18/07/2024
8. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

Số/No: W2407-054 (24.600)

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2407-054	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2017	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	1,1	2
6	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,4	6 ÷ 8,5
9	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;
QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;
Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ký bởi: Vũ Thị Cúc
Ngày ký: 16/07/2024 18:26:40
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority



Ký bởi: Đặng Thế Hưng
Ngày ký: 17/07/2024 20:12:52
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2407-055 (24.600)

- Tên mẫu/ Name of sample
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

: Mẫu lấy tại căn căn PD5KT29 Vinhomes Ocean Park 2
: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
: Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
: Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
: 03/07/2024
: Nguyễn Hữu Cường
: 04/07/2024 – 18/07/2024
:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2407-055	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl ⁻ G:2017	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	0,4	2
6	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5
9	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ký bởi: Vũ Thị Cúc
Ngày ký: 16/07/2024 18:27:11
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ký bởi: Đặng Thế Hưng
Ngày ký: 17/07/2024 20:13:24
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2407-054 (24.600)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu giữa nguồn lấy tại hộ dân Đào Văn Quân. Địa chỉ: đội 9, Vĩnh Khúc, Văn Giang
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2024
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Hữu Cường
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 04/07/2024 – 18/07/2024
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2018/BYT
				W2407-054	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CF G:2017	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	1,1	2
6	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,4	6 ÷ 8,5
9	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ký bởi: Vũ Thị Cúc
Ngày ký: 16/07/2024 18:26:40
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ký bởi: Đặng Thế Hưng
Ngày ký: 17/07/2024 20:12:52
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2407-053 (24.600)

- Tên mẫu/ Name of sample
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

: Mẫu đầu nguồn
: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Việt Thanh
: Khu đô thị Sơn Nam Plaza, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
: Mẫu đựng trong 4 chai 1 lít ở điều kiện thường
: 04/07/2024
: Nguyễn Hữu Cường
: 04/07/2024 – 18/07/2024
:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2407-053	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	<i>E. coli</i> (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl ⁻ G:2017	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Độ đục(*)	TCVN 12492-1:2020	NTU	0,5	2
6	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
7	Mùi, vị	Cảm quan	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5
9	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B	CFU/ 100mL	KPH	< 1
10	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	< 1
11	Amoni(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
12	Antimon (Sb)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,02
13	Bari(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,7
14	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,3
15	Cadmi (Cd)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,00003)	0,003
16	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
17	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
18	Chloride (Cl ⁻)(*)	TCVN 6194:1996	mg/L	78	250
19	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
21	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	121	300
22	Fluor (F)(*)	SMEWW 4500-F ⁻ D: 2017	mg/L	KPH (LOD=0,07)	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2407-053	Ngưỡng giới hạn cho phép
24	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
25	Natri (Na) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<1	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
27	Nickel (Ni) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	<0,1	2
29	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
30	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
31	Seleni (Se) ^(*)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
32	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(*)	SMEWW 4500 - SO ₄ ²⁻ E:2017	mg/L	11,5	250
33	Sunfua ^(**)	SMEWW 4500-S ²⁻ :2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ^(**)	NIFC.03.M.66 (ICP- MS)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	SMEWW 2540 C:2017	mg/L	279	1.000
36	Xyanua (CN ⁻) ^(**)	NIFC.04.M.068 (HPLC)	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
37	1,1,1 - Tricloroetan ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	2.000
38	1,2 - Dicloroetan ^(**)	EPA 524.2	µg/L	KPH (LOD=5)	30
39	1,2 - Dicloroeten	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	50
40	Cacbon tetraclorua ^(**)	EPA 524.2	µg/L	KPH (LOD=0,3)	2
41	Diclorometan ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	20
42	Tetracloroeten ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	40
43	Tricloroeten	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	20
44	Vinyl clorua ^(**)	EPA 524.2	µg/L	KPH (LOD=0,1)	0,3
45	Benzen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	10
46	Etylbenzen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
47	Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(**)	NIFC.04.M.072 (US EPA 8270D)	µg/L	KPH (LOD=1)	1
48	Styren ^(**)	EPA 524.2	µg/L	KPH (LOD=5)	20
49	Toluen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	700
50	Xylen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	500
51	1,2 - Diclorobenzen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	1.000
52	Monoclorobenzen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
53	Triclorobenzen ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	20
54	Acrylamide ^(**)	NIFC.04.M.081 (LC- MS/MS)	µg/L	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlorhydrin ^(**)	NIFC.04.M.328 (GC- MS)	µg/L	KPH (LOD=0,1)	0,4
56	Hexachloro butadien	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=0,15)	0,6

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2407-053	Ngưỡng giới hạn cho phép
57	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=0,15)	1
58	1,2 - Dicloropropan(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	40
59	1,3 - Dichloropropen	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	20
60	2,4 - D(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	30
61	2,4 - DB(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	90
62	Alachlor(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	20
63	Aldicarb(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	10
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
65	Carbofuran(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	5
66	Chlorpyrifos(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
67	Clodane(**)	NIFC.04.M.021 (GC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD=0,06)	0,2
68	Clorotoluron(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
69	Cyanazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,08)	0,6
70	DDT và các dẫn xuất(*)	HPL.HD.H.PP 47:2021	µg/L	KPH (LOD=0,1)	1
71	Dichloprop(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	100
72	Fenoprop(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	9
73	Hydroxyatrazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	200
74	Isoproturon(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	9
75	MCPA(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	2
76	Mecoprop(*)	HPL.HD.H.PP 46:2021	µg/L	KPH (LOD=0,3)	10
77	Methoxychlor(*)	HPL.HD.H.PP 47:2021	µg/L	KPH (LOD=0,1)	20
78	Molinate(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	6
79	Pendimetalin(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	20
80	Permethrin(**)	NIFC.04.M.021 (GC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD=0,3)	20
81	Propanil(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	20
82	Simazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	2
83	Trifluralin(**)	NIFC.04.M.021 (GC-MS/MS)	µg/L	KPH (LOD=0,3)	20
84	2,4,6 - Triclorophenol(**)	EPA 524.2	µg/L	KPH (LOD=5)	200
85	Bromat(**)	NIFC.03.M.27 (IC)	µg/L	KPH (LOD=3)	10
86	Bromodichloromethane(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
87	Bromoform(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
88	Chloroform(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
89	Dibromoacetonitrile	EPA 551.1	µg/L	KPH (LOD=1)	70
90	Dibromochloromethane(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
91	Dichloroacetonitrile	EPA 551.1	µg/L	KPH (LOD=1)	20
92	Dichloroacetic acid	EPA 552.2:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	50
93	Formaldehyde(**)	NIFC.04.M.082 (Ref. TCVN 7421-1:2024)	µg/L	KPH (LOD=100)	900
94	Monochloramine(*)	SMEWW 4500 -Cl G:2017	mg/L	KPH (LOD=0,07)	3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Duc Thang Ward, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Phone: (84-4) 62733370; Hotline: (+84) 968668198 Website: <http://labo.huph.edu.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2018/BYT
				W2407-053	Ngưỡng giới hạn cho phép
95	Monochloroacetic acid	EPA 552.2:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	20
96	Trichloroacetic acid	EPA 552.2:1995	µg/L	KPH (LOD=1)	200
97	Trichloroaxetonitril	EPA 551.1	µg/L	KPH (LOD=0,3)	1
98	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(**)}$	NIFC.03.M.93	Bq/L	KPH (LOD=0,0046)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(**)}$	NIFC.03.M.93	Bq/L	KPH (LOD=0,064)	1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích nước sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thủ phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2024
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ký bởi: Vũ Thị Cúc
Ngày ký: 16/07/2024 18:26:09
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority



Ký bởi: Đặng Thế Hưng
Ngày ký: 17/07/2024 20:12:19
Tổ chức xác thực: VNPT Certification Authority

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.